

VN-Index tăng mạnh 1,2%

Ngày báo cáo

05/08/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng mạnh 1,2%

VN-Index có phiên giao dịch tích cực khi tăng 1,2% (+18,9 điểm), đóng cửa tại mức 1.547,2 điểm. Đà tăng được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc ngành ngân hàng và bất động sản. Toàn sàn ghi nhận 113 mã tăng, 217 mã giảm và 40 mã đi ngang. Thanh khoản tăng mạnh so với phiên trước, đạt 78 nghìn tỷ đồng.

- Ngân hàng: Dẫn dắt đà tăng với các mã tiêu biểu như TCB (+4,7%), MBB (+6,8%), BID (+1,8%), CTG (+1,9%) và VCB (+0,7%).
- Bất động sản: Giao dịch khởi sắc với VIC (+5,7%), VHM (+4,1%), VRE (+6,4%) và KBC (+2,9%), trong khi BCM (-2,9%), NVL (-2,4%) và SJS (-6,7%) giảm sâu.
- Tiện ích: Diễn biến kém tích cực khi các mã như GAS (-0,3%), REE (-0,5%), POW (-1,7%), PGV (-6,7%) và BWE (-3,5%) đều giảm.
- Các mã tăng đáng chú ý từ các ngành khác: Bao gồm HPG (thép, +4,4%), GEX (công nghiệp, +4,4%), MSN (thực phẩm & đồ uống, +0,9%) và MWG (bán lẻ, +3,4%).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- DXG: HĐQT thông qua nghị quyết về kế hoạch sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành riêng lẻ dự kiến
- SAB: Gián đoạn kênh phân phối truyền thống ảnh hưởng đến sản lượng bán cho các nhà phân phối trong quý 2; thị phần tăng nhờ đà phục hồi của sản lượng bán ra cho người tiêu dùng - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

Báo cáo trong ngày

- PC1: Triển vọng cải thiện nhờ thuế quan từ Mỹ rõ ràng hơn và giá điện gió tăng - Cập nhật
- TAL: Tích cực mở rộng quỹ đất tạo dự địa tăng trưởng trong tương lai - Báo cáo Công ty

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1547,2	266,1	107,5
% Δ	1,2%	-0,8%	0,3%
- % Δ 1 tuần	3,6%	4,2%	1,3%
- % YTD	22,1%	17,0%	13,1%
- % YOY	30,2%	19,5%	18,4%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$2.988,5	\$218,0	\$73,6
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.509,9	\$124,5	\$53,6
- TB 1 năm (triệu)	\$746,6	\$50,6	\$32,3
- TB QTD	\$1.421,1	\$116,2	\$52,1
- % TB QTD/TB quý gần nhất	68,1%	112,7%	63,0%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$269,9	\$24,1	\$1,5
- Bán (triệu)	\$359,3	\$13,7	\$2,1
- GT ròng (triệu)	-\$89,3	\$10,4	-\$0,6
Độ rộng TT			
Mã tăng	133	65	200
Mã giảm	222	114	170
Không đổi	59	130	557
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	256,8	15,5	55,6
P/E trượt 12T	14,0	24,4	15,7
LS cổ tức*	2,8%	3,5%	5,0%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL	GTGD
		mở cửa	(tr USD)
41IF8000	1.689,6	55.557	2735,3
VN30F2509	1.675,0	4.191	29,2
VN30F2512	1.673,3	674	3,5
41IG3000	1.676,7	101	2,1
USD/VND			26.185

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Với diễn biến không Tiêu cực ở phân khúc vốn hóa lớn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tăng trong ngày mai về phía vùng giá 1.585 điểm. Phiên biến động 05/08 sẽ làm gia tăng biên độ dao động trong ngày của chỉ số VN-Index với hỗ trợ ngắn hạn chủ đạo là ngưỡng 1.520 điểm. Các vị thế mua mới trong phiên 05/08 nên được giảm tỉ trọng nếu chỉ số đóng cửa vi phạm ngưỡng hỗ trợ này.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

DXG: HĐQT thông qua nghị quyết về kế hoạch sử dụng vốn huy động được từ đợt phát hành riêng lẻ dự kiến

* CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG) thông báo rằng Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thông qua nghị quyết sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ dự kiến (93,5 triệu cổ phiếu, tương đương 9,18% lượng cổ phiếu đang lưu hành; được thông qua tại ĐHCĐ tháng 5/2025) để góp vốn vào CTCP Đầu tư Kinh doanh BĐS Hà An (công ty con do DXG sở hữu 99%), với mục đích đầu tư vào Khu chung cư cao tầng - thương mại dịch vụ Tầm Nhìn Xanh (DatXanhHomes Parkview) tại TP.HCM (trước đây thuộc Thuận An, Bình Dương trước đợt sáp nhập hành chính). Dự án 5 ha này đã hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 và đang trong quá trình nộp tiền sử dụng đất.

* Giá chào bán cho đợt phát hành riêng lẻ dự kiến là 18.600 đồng/cổ phiếu, tương ứng với tổng số tiền huy động được là 1,74 nghìn tỷ đồng nếu được đăng ký mua hết. Kế hoạch phát hành này dự kiến sẽ được triển khai trong quý 3-quý 4/2025, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đã nhận được hồ sơ. Cổ phiếu phát hành mới sẽ bị hạn chế giao dịch trong ít nhất một năm. Chúng tôi hiện chưa đưa đợt phát hành riêng lẻ này vào mô hình dự báo và định giá của chúng tôi.

SAB: Gián đoạn kênh phân phối truyền thống ảnh hưởng đến sản lượng bán cho các nhà phân phối trong quý 2; thị phần tăng nhờ đà phục hồi của sản lượng bán ra cho người tiêu dùng - Báo cáo Gặp gỡ NĐT

* KQKD quý 2/2025 và triển vọng:

- **Doanh thu:** Doanh thu thuần của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) giảm 16% YoY trong quý 2/2025, chủ yếu do (1) mức giảm của sản lượng bán cho các nhà phân phối và (2) loại bỏ phần doanh thu phát sinh từ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản lượng bia mua từ Sabibeco. Nếu loại trừ tác động từ việc hợp nhất Sabibeco, SAB ước tính doanh thu thuần giảm 1% YoY.

- **Sản lượng:** Sản lượng bán cho các nhà phân phối giảm do:

+ Quản lý tồn kho trước đợt tăng giá: SAB chủ động giảm sản lượng bán ra để các nhà phân phối giảm mức độ tồn kho. Công ty đã thực hiện chiến lược tăng nhẹ giá bán trung bình ở phân khúc bia phổ thông từ ngày 01/07/2025.

+ Gián đoạn kênh thương mại truyền thống (GT): Quy định bắt buộc xuất hóa đơn điện tử khiến nhiều hộ kinh doanh đóng cửa, dẫn đến sự gián đoạn trong hoạt động phân phối của SAB. Tuy nhiên, ban lãnh đạo cho biết hiện chưa thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng của sự gián đoạn này đối với SAB. SAB hiện đang tìm kiếm các kênh phân phối thay thế trên toàn quốc. Ban lãnh đạo

cho rằng sự gián đoạn này có thể sẽ kéo dài đến hết nửa cuối năm 2025 và sẽ ổn định trở lại từ ngày 01/01/2026 khi thuế khoán chính thức được bãi bỏ.

- **Thị phần:** Mặc dù sản lượng bán cho các nhà phân phối giảm, nhưng SAB đã giành lại vị trí số 1 tại thị trường bia Việt Nam về sản lượng bán ra cho người tiêu dùng, theo báo cáo của bên nghiên cứu thứ ba.

- **Biên LN gộp:** Ban lãnh đạo cho biết biên lợi nhuận gộp của mảng bia cải thiện trong quý 2/2025 chủ yếu đến từ việc hợp nhất Sabibeco, cùng với sự sụt giảm của chi phí đầu vào sau khi đã sử dụng hết lượng đại mạch giá cao trước đó. SAB kỳ vọng sẽ tiếp tục ghi nhận giá trị cộng hưởng từ việc hợp nhất Sabibeco trong giai đoạn nửa cuối năm 2025.

*** Các ghi nhận khác:**

- SAB gần đây đã ra mắt phiên bản lon 250ml của sản phẩm bia Saigon Chill để đáp ứng nhu cầu thị trường và cạnh tranh với các sản phẩm tương tự từ đối thủ.

*** Quan điểm của chúng tôi:**

- Chúng tôi dự báo biên lợi nhuận gộp sẽ tiếp tục cải thiện trong nửa cuối năm 2025 nhờ việc hợp nhất Sabibeco. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng gián đoạn kéo dài ở kênh GT có khả năng sẽ ảnh hưởng đến doanh thu trong nửa cuối năm 2025. Điều này, kết hợp với KQKD nửa đầu năm 2025 kém khả quan hơn kỳ vọng, khiến chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Chúng tôi hiện đưa ra mức giá mục tiêu 67.000 đồng/cổ phiếu cho SAB. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

PC1: Triển vọng cải thiện nhờ thuế quan từ Mỹ rõ ràng hơn và giá điện gió tăng – Cập nhật

Ngành	Điện		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	05/08/2025	TT Doanh thu	31,1%	11,0%	37,5%	18,9%
Giá hiện tại	26.200 VND	TT EPS	1189,5%	18,5%	69,7%	101,4%
Giá mục tiêu	31.100 VND	LNST-CĐTS báo cáo	468	554	940	1.892
GMT gần nhất	25.800 VND	LNST-CĐTS cốt lõi**	591	620	1.001	1.949
TL tăng	+18,7%	EV/EBITDA	8,3x	8,2x	6,5x	4,2x
Lợi suất cổ tức	0,0%	P/B	1,7x	1,6x	1,4x	1,2x
Tổng mức sinh lời	+18,7%	P/E báo cáo	21,6x	18,3x	10,8x	5,3x
GT vốn hóa	9,4 nghìn tỷ đồng			PC1	VNI	
Room KN	3,4 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		24,4x	14,9x	
GTGD/ngày (30n)	109,2 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,7x	1,9x	
Cổ phần Nhà nước	0,0%	Nợ ròng/VCSH		96,3%	N/A	
SL cổ phiếu lưu hành	358tr	ROE		7,4%	12,8%	
Pha loãng	358tr	ROA		1,9%	2,0%	
** Điều chỉnh cho lợi nhuận bất thường						

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 20,5% giá mục tiêu cho PC1 lên 31.100 đồng/CP nhưng hạ khuyến nghị từ MUA xuống PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG do giá cổ phiếu đã tăng 22% trong 3 tháng qua.

* Giá mục tiêu cao hơn của chúng tôi chủ yếu nhờ mức tăng 20,7% trong tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTS giai đoạn 2025–29 (thay đổi lần lượt -2%/0%/+20%/+29%/+31%), chủ yếu nhờ: (1) dự báo LNST KCN Nomura và Western Pacific tăng 62%/44% (nhờ tình hình chênh lệch thuế quan giữa Việt Nam và các nước trong khu vực tích cực hơn kỳ vọng tính đến ngày 01/08), và (2) Dự báo LNST mảng điện gió tăng 16% (giả định ASP tăng, dựa trên mặt bằng giá điện gió mới vượt kỳ vọng).

- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2025 tăng 18% YoY, được thúc đẩy bởi (1) lợi nhuận gộp từ xây lắp điện/BDS tăng lần lượt 52%/gấp 7 lần YoY, và (2) chi phí lỗ tỷ giá giảm YoY. Các yếu tố trên lấn át (3) lợi nhuận gộp mảng nickel giảm 40% YoY.
- * Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 sẽ tăng mạnh hơn, đạt +70% YoY, nhờ (1) LNST sau lợi ích CĐTS từ xây lắp điện/nickel tăng lần lượt 2,1 lần/1,9 lần YoY, và (2) LNST sau lợi ích CĐTS mảng điện tăng 22% YoY (nhờ sản lượng thủy điện cao hơn và chi phí lãi vay mảng điện gió giảm).
- * Định giá của PC1 hiện khá hấp dẫn với P/E dự phóng năm 2026 ở mức 10,8x, thấp hơn khoảng 48% so với P/E trung bình 4 năm và PEG ước tính đạt 0,3 dựa trên tốc độ tăng trưởng kép EPS giai đoạn 2026–29 là 39%. PC1 được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ các yếu tố tích cực gần đây tại mảng KCN (bất định về thuế quan giảm), mảng điện gió (giá bán mới cao vượt kỳ vọng), và mảng BĐS nhà ở (được thông qua thí điểm).
- * **Yếu tố hỗ trợ:** Doanh số BĐS của dự án Tháp Vàng trong năm 2025 cao hơn kỳ vọng.
- * **Rủi ro:** Lỗ tỷ giá cao hơn dự kiến có thể gây áp lực lên LNST báo cáo trong ngắn hạn.

TAL: Tích cực mở rộng quỹ đất tạo dự địa tăng trưởng trong tương lai - Báo cáo Công ty

Ngành	Bất động sản		2022	2023	2024	2025F
Ngày báo cáo	5/8/2025	Tăng trưởng DT	280,2%	14,4%	-48,0%	149,5%
Giá hiện tại	31.500 VND	Tăng trưởng EPS**	122,6%	16,1%	41,1%	-25,8%
Lợi suất cổ tức*	5%	Biên LN gộp	27,4%	27,5%	24,9%	28,3%
*dựa trên cổ tức 2024		Biên LN ròng	12,6%	14,1%	39,5%	12,2%
		EV/EBITDA	2,6x	18,7x	61,8x	15,4x
		ROE	22,2%	13,5%	18,3%	13,2%
		P/E***	0,0x	12,8x	14,7x	19,8x
GT vốn hóa	9,8 nghìn tỷ đồng			TAL	Peers	VNI
Room KN	4,8 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)****		13,4x	60,8x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	17,9 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,8x	1,7x	1,9x
Cổ phần Nhà nước	0%	ROE (trượt)		17,4%	4,9%	13,6%
SL cổ phiếu lưu hành	311,9 triệu	ROA (trượt)		7,2%	1,7%	2,0%
điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi, *sử dụng giá CP hiện tại, ****chưa điều chỉnh cho quỹ khen thưởng & phúc lợi						

- * **Năm 2025, chúng tôi thận trọng dự báo doanh thu và LNST của TAL đạt 4,2 nghìn tỷ đồng (+149% svck) và 529 tỷ đồng (-23% svck từ mức nền cao của 2024)**, được đóng góp chủ yếu nhờ việc bàn giao dự án (1) khu đô thị (KĐT) Central Riverside (15,7 ha); (2) KĐT Nghi Sơn Central Park (14,9 ha); (3) KĐT Central Square Phố Yên (2,1 ha) và (4) Khu công nghiệp Đồng Văn III (223 ha).
- * Kết thúc quý 1/2025, TAL đã hoàn thành 9%/4% doanh thu và LNST dự báo của chúng tôi. **Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận tăng tốc trong các quý tới nhờ tiến độ bán hàng và bàn giao các dự án được đẩy nhanh.**
- * TAL đặt mục tiêu đạt **quỹ đất 5.000 ha vào 2030**, tập trung tại các đô thị vệ tinh quanh “Vùng Thủ đô”, hứa hẹn hưởng lợi từ tiềm năng phát triển khu vực (chi tiết trang 24-25).
- * TAL hiện đang giao dịch với P/B là 2,8 lần – cao hơn so với trung vị các công ty cùng ngành; phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư về tiềm năng tăng trưởng của công ty trong tương lai. Theo dự báo thận trọng của chúng tôi, P/E và P/B dự phóng 2025 của TAL đạt 19,8x/2,4x.
- * **Yếu tố hỗ trợ:** (1) Triển vọng tăng thanh khoản nhờ chuyển sản và phát hành cổ phần; (2) Lợi nhuận từ chuyển nhượng TTTM Landmark 55. **Rủi ro đầu tư:** (1) Thị trường BĐS các tỉnh phục hồi chậm hơn dự kiến; (2) Rủi ro dòng tiền và lợi nhuận từ áp lực nợ vay.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.324	3,7	47.500	67.000	41%	7,4%	48%	MUA	06/03/25	13,1	13,0	16,2	2,9
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	80%	497	4,3	58.000	81.700	41%	3,4%	44%	MUA	17/02/25	8,7	6,4	16,2	1,4
PTB	Công nghiệp	11%	138	0,2	53.900	71.000	32%	4,5%	36%	MUA	14/03/25	8,2	7,3	16,5	1,2
KDH	Bất động sản	17%	1.194	6,1	27.900	37.900	36%	0,0%	36%	MUA	15/05/25	35,5	32,0	22,8	1,8
MSN	Bán lẻ	75%	4.115	27,7	74.600	101.200	36%	0,0%	36%	MUA	21/05/25	39,7	25,4	14,1	3,3
PLX	Xăng dầu	3%	1.774	3,4	36.600	47.800	31%	3,3%	34%	MUA	04/08/25	20,7	12,5	24,8	1,9
BMI	Bảo hiểm	19%	104	0,3	20.600	26.200	27%	2,4%	30%	MUA	12/04/24	8,4	7,2	15,5	1,0
ACV	Hàng không	46%	8.477	3,0	101.700	131.800	30%	0,0%	30%	MUA	09/05/25	19,8	17,0	14,1	3,5
IDC	KCN	31%	565	4,3	44.900	55.800	24%	4,5%	29%	MUA	08/05/25	9,7	8,6	22,8	2,6
FRT	Bán lẻ	16%	981	5,8	151.000	193.800	28%	0,0%	28%	MUA	26/05/25	35,2	22,8	15,7	9,0
CTR	CNTT	41%	397	2,9	90.900	114.300	26%	2,2%	28%	KQ	30/06/25	23,6	19,6	18,1	5,2
PNJ	Bán lẻ	0%	1.102	3,0	85.500	105.900	24%	2,3%	26%	MUA	29/05/25	14,5	12,6	11,8	2,4
TLG	Văn phòng phẩm	86%	170	0,8	51.600	61.300	19%	7,3%	26%	MUA	20/05/25	9,5	8,3	11,8	1,8
ACB	Ngân hàng	0%	4.595	14,7	23.450	28.500	22%	4,3%	26%	MUA	19/05/25	6,8	5,8	12,5	1,4
ACG	Gỗ	12%	219	0,1	38.000	45.800	21%	4,5%	25%	MUA	15/07/25	10,5	9,5	16,5	1,4
DGC	Công nghiệp	34%	1.500	12,0	103.500	126.000	22%	2,9%	25%	MUA	25/07/25	12,4	10,3	15,5	2,7
QTP	Điện & Nước	48%	225	0,3	13.100	15.000	15%	9,2%	24%	MUA	02/06/25	10,0	9,3	12,5	1,1
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	51%	4.792	16,4	60.100	70.300	17%	6,7%	24%	MUA	24/04/25	15,0	14,3	16,2	4,0
PC1	Điện & Nước	35%	349	6,9	25.600	31.100	21%	0,0%	21%	KQ	05/08/25	17,8	10,5	18,1	1,6
VEA	Ô-tô	48%	1.970	1,4	38.900	42.200	8%	12,5%	21%	PHTT	20/09/24	7,4	6,8	14,1	1,8
HPG	VLXD	27%	7.730	56,2	26.400	31.700	20%	0,0%	20%	MUA	16/05/25	12,9	10,0	16,5	1,7
SZC	KCN	18%	249	4,7	36.300	42.400	17%	2,8%	20%	KQ	01/07/25	22,5	18,6	22,8	2,1
VCB	Ngân hàng	8%	19.604	25,6	61.500	73.200	19%	0,0%	19%	MUA	23/05/25	15,2	13,7	12,5	2,4
SIP	KCN	45%	589	2,3	63.800	73.900	16%	3,1%	19%	MUA	18/06/25	13,8	12,9	22,8	3,3
DHC	Công nghiệp	14%	114	0,6	31.000	35.100	13%	5,5%	19%	KQ	11/09/24	6,9	5,5	16,5	1,4

DCM	Phân bón	44%	727	8,1	36.000	40.700	13%	5,6%	19%	MUA	10/07/25	12,0	9,3	15,5	1,9
PPC	Điện & Nước	42%	135	0,4	11.000	12.400	13%	5,5%	18%	PHTT	02/06/25	15,2	6,7	12,5	0,8
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	40%	687	0,4	49.000	53.400	9%	8,2%	17%	KQ	30/08/24	7,1	7,0	16,2	1,8
HDG	Điện & Nước	33%	373	7,7	26.400	30.900	17%	0,0%	17%	MUA	24/06/25	13,1	9,5	22,8	1,6
PVS	Dầu khí	37%	611	10,2	33.500	39.000	16%	0,0%	16%	MUA	22/05/25	19,6	16,0	24,8	1,1
GMD	GTVT	10%	936	7,0	58.400	65.700	13%	3,8%	16%	KQ	31/07/25	17,7	18,1	14,1	2,0
SCS	DV Hàng không	15%	227	1,4	62.800	67.000	7%	9,6%	16%	KQ	29/05/25	8,7	8,5	17,6	4,4
BVH	Bảo hiểm	22%	1.410	1,1	49.800	56.900	14%	1,8%	16%	KQ	26/05/25	14,0	11,8	15,5	1,6
FPT	CNTT	9%	6.876	36,0	105.800	120.600	14%	1,9%	16%	MUA	27/05/25	19,9	16,3	17,1	5,4
NT2	Điện & Nước	39%	237	1,5	21.600	23.500	9%	6,9%	16%	MUA	18/07/25	13,1	8,0	12,5	1,5
BID	Ngân hàng	13%	10.379	12,5	38.750	44.800	16%	0,0%	16%	MUA	26/05/25	11,7	10,9	12,5	1,7
BMP	VLXD	14%	439	0,8	140.700	149.000	6%	9,6%	15%	KQ	28/05/25	10,0	10,5	18,1	4,1
MWG	Bán lẻ	0%	3.909	26,4	69.300	78.300	13%	1,4%	14%	MUA	30/05/25	18,5	14,2	15,7	3,5
TV2	Điện & Nước	6%	101	1,5	39.300	43.900	12%	2,5%	14%	KQ	25/07/25	53,8	18,1	14,1	2,1
PHR	Công nghiệp	34%	313	1,5	60.600	67.400	11%	2,2%	13%	KQ	25/06/25	16,7	11,3	15,5	2,2
DPG	Điện & Nước	45%	173	4,8	45.000	50.000	11%	2,2%	13%	KQ	07/07/25	13,8	6,3	18,1	2,2
AST	DV Hàng không	5%	119	0,1	69.200	74.400	8%	5,1%	13%	MUA	02/04/25	15,8	12,5	15,7	5,4
HVN	Hàng không	21%	3.921	2,8	33.000	37.100	12%	0,0%	12%	KQ	22/07/25	8,5	11,9	17,6	-27,3
GAS	Dầu khí	47%	6.059	2,7	67.800	74.200	9%	2,9%	12%	MUA	12/05/25	16,2	13,1	12,5	2,4
CTG	Ngân hàng	3%	9.526	16,6	46.500	52.000	12%	0,0%	12%	MUA	19/05/25	9,5	8,1	12,5	1,5
BWE	Điện & Nước	40%	411	0,6	48.950	53.200	9%	2,9%	12%	PHTT	13/05/25	16,9	11,0	12,5	2,0
KBC	KCN	34%	1.166	9,3	32.450	36.100	11%	0,0%	11%	MUA	22/05/25	17,8	11,4	22,8	1,3
PVT	Dầu khí	40%	323	2,7	18.000	19.850	10%	0,0%	10%	KQ	09/05/25	8,8	7,4	14,1	1,1
OIL	Dầu khí	1%	478	0,9	12.200	13.300	9%	0,8%	10%	KQ	21/07/25	265,2	26,4	24,8	1,2
PLC	Dầu khí	48%	84	0,8	27.400	29.050	6%	3,6%	10%	MUA	11/04/25	19,6	8,8	15,5	1,7
DGW	Bán lẻ	23%	365	5,5	43.700	47.400	8%	1,1%	10%	PHTT	23/07/25	17,9	13,5	15,7	3,1
VIB	Ngân hàng	0%	2.506	14,0	19.300	20.800	8%	0,0%	8%	KQ	23/05/25	7,4	6,5	12,5	1,5
BSR	Lọc hóa dầu	49%	2.413	6,8	20.400	21.200	4%	3,4%	7%	KQ	26/11/24	11,8	11,4	24,8	1,1
REE	Điện & Nước	0%	1.374	2,9	66.500	70.300	6%	1,5%	7%	MUA	16/04/25	14,3	10,7	14,1	1,8

NLG	Bất động sản	1%	603	8,4	41.050	43.300	5%	1,2%	7%	MUA	09/05/25	25,0	27,9	22,8	1,6
GVR	Công nghiệp	12%	4.570	6,2	29.950	31.200	4%	1,3%	6%	PHTT	04/07/25	27,9	25,1	15,5	2,1
MBB	Ngân hàng	0%	6.914	26,8	29.700	31.000	4%	1,0%	5%	MUA	13/05/25	7,0	6,0	12,5	1,5
DPM	Phân bón	42%	617	8,5	41.300	41.500	0%	4,8%	5%	KQ	10/07/25	21,5	14,8	15,5	1,4
STK	Dệt may	82%	91	0,1	24.700	25.500	3%	0,0%	3%	KQ	17/01/25	29,7	16,6	15,5	1,4
PVD	Dầu khí	45%	444	6,7	20.950	21.100	1%	2,4%	3%	KQ	16/05/25	18,4	12,9	24,8	0,7
POW	Điện & Nước	46%	1.295	8,8	14.500	14.800	2%	0,0%	2%	KQ	02/06/25	27,2	18,2	12,5	1,0
TDM	Điện & Nước	48%	246	0,3	58.100	57.300	-1%	2,4%	1%	PHTT	13/05/25	30,5	20,6	12,5	2,5
STB	Ngân hàng	10%	3.718	24,0	51.700	50.900	-2%	0,0%	-2%	MUA	15/05/25	8,4	4,6	12,5	1,6
TCB	Ngân hàng	0%	9.972	37,0	37.000	35.000	-5%	2,7%	-3%	MUA	12/05/25	10,4	8,7	12,5	1,7
HDB	Ngân hàng	0%	3.720	28,0	27.900	27.000	-3%	0,0%	-3%	MUA	22/05/25	6,3	5,4	12,5	1,6
VPB	Ngân hàng	4%	8.021	50,8	26.500	25.000	-6%	1,9%	-4%	MUA	19/05/25	11,2	9,6	12,5	1,4
VRE	Bất động sản	31%	2.683	6,3	30.950	29.200	-6%	0,0%	-6%	KQ	27/05/25	16,4	14,1	22,8	1,6
VGC	KCN	43%	936	3,8	54.700	49.800	-9%	3,3%	-6%	KQ	27/06/25	24,2	18,6	18,1	2,7
TPB	Ngân hàng	6%	1.774	17,9	17.600	16.500	-6%	0,0%	-6%	MUA	27/05/25	7,0	6,4	12,5	1,2
DXG	Bất động sản	24%	781	21,5	20.100	18.600	-7%	0,0%	-7%	KQ	05/06/25	79,1	50,0	22,8	1,7
VJC	Hàng không	22%	2.873	15,3	127.300	114.000	-10%	0,0%	-10%	KQ	15/03/24	18,4	14,2	17,6	3,2
HDC	Bất động sản	43%	238	10,7	35.000	30.400	-13%	0,0%	-13%	KQ	21/03/25	36,4	21,1	22,8	2,7
DXS	Bất động sản	29%	243	2,4	11.000	9.200	-16%	0,0%	-16%	KQ	05/06/25	24,0	15,5	22,8	1,0
NKG	VLXD	43%	274	11,1	16.050	13.100	-18%	0,0%	-18%	PHTT	18/04/25	16,8	12,4	16,5	1,0
SSI	Chứng khoán	58%	2.607	68,3	34.650	27.100	-22%	2,9%	-19%	KQ	04/06/25	24,5	19,1	21,8	2,4
VIC	Bất động sản	41%	17.140	36,0	117.500	90.300	-23%	0,0%	-23%	PHTT	27/05/25	33,8	41,0	22,8	3,1
LPB	Ngân hàng	4%	4.023	5,1	35.300	26.800	-24%	0,0%	-24%	KKQ	15/05/25	10,4	10,2	12,5	2,6
HSG	VLXD	39%	441	9,2	18.600	13.500	-27%	2,7%	-25%	PHTT	18/04/25	23,3	19,7	16,5	1,0
VHM	Bất động sản	40%	15.043	20,0	96.000	67.400	-30%	0,0%	-30%	PHTT	27/05/25	12,3	12,6	22,8	1,9
VTP	GTVT	44%	534	5,0	115.000	69.000	-40%	1,3%	-39%	PHTT	06/09/24	39,6	33,8	14,1	8,4
GEX	Điện & Nước	42%	2.035	29,3	59.100	25.800	-56%	0,8%	-55%	KQ	11/04/25	55,3	48,5	14,1	3,7

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	40	136.857	3.421	18	13,8	12,1	10,1	13,8	2,0	21,9	14,9	11,9	2,3	2,5%
KHẢ QUAN	29	29.880	1.030	5	17,2	14,3	13,0	13,9	2,0	30,7	30,7	16,3	1,1	2,4%
PHÙ HỢP TT	11	41.128	3.739	3	19,4	18,1	18,4	14,4	2,3	23,0	22,0	18,5	2,5	2,7%
KÉM KHẢ QUAN	1	4.023	4.023	0	11,4	10,4	10,2	7,9	2,6	11,4	10,4	10,2	2,6	0,0%
BÁN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
TỔNG CỘNG	81	211.888	2.616	26	15,0	13,2	11,5	13,7	2,0	25,0	21,5	14,4	1,9	2,5%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	84.753	7.063	11	11,2	9,9	8,5	10,6	1,7	10,5	9,3	8,0	1,7	0,8%
Bảo hiểm	2	1.515	757	1	16,9	13,4	11,3	15,4	1,5	14,9	11,2	9,5	1,3	2,1%
Chứng khoán	1	2.607	2.607	1	27,7	24,5	19,1	19,2	2,4	27,7	24,5	19,1	2,4	2,9%
Tiêu dùng	13	28.183	2.168	5	18,5	16,2	13,9	19,6	3,4	24,0	17,7	13,9	3,5	4,2%
Bất động sản	8	37.925	4.741	2	20,6	19,2	19,9	15,0	2,2	43,2	32,8	26,8	1,9	0,2%
Vật liệu	4	8.884	2.221	1	17,0	13,1	10,3	15,2	1,6	16,1	15,8	13,1	1,9	3,1%
Điện & Nước	12	6.953	579	1	24,2	21,4	14,8	19,0	1,8	30,7	23,4	14,8	1,8	2,8%
Dầu khí	10	13.531	1.353	2	19,2	15,9	12,5	17,6	1,6	31,7	41,4	13,3	1,4	2,7%
Công nghiệp	5	2.061	412	0	14,0	11,6	9,7	14,0	2,1	20,2	13,5	9,8	1,6	3,5%
Khu công nghiệp	7	8.389	1.198	1	23,8	21,1	17,2	22,4	2,1	26,2	19,0	15,2	2,3	2,5%
GTVT & Logistics	7	17.088	2.441	1	16,9	14,9	15,1	17,2	4,5	21,7	18,4	16,6	-0,1	2,8%
TỔNG CỘNG	81	211.888	2.616	26	15,0	13,2	11,5	13,7	2,0	25,0	21,5	14,4	1,9	2,5%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q2 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	2%	8%	MUA		Chất lượng tài sản cải thiện đáng kể; NIM tăng nhẹ so với quý trước
BID	3%	3%	MUA		Lợi nhuận đạt kỳ vọng nhưng chất lượng tài sản chưa được cải thiện.
CTG	46%	19%	MUA		Tăng trưởng lợi nhuận đột biến vượt kỳ vọng nhờ chi phí tín dụng giảm mạnh.
HDB	25%	22%	MUA		NIM cải thiện, thu nhập ngoài lãi mạnh mẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận
LPB	4%	10%	KKQ		KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
MBB	22%	13%	MUA		Tổng thu nhập từ HĐKD tăng trưởng mạnh, bù đắp chi phí dự phòng cao; chất lượng tài sản cải thiện so với quý trước
STB	35%	27%	MUA		Lợi nhuận quý 2 tăng trưởng mạnh, phù hợp với kỳ vọng; hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện
TCB	-2%	17%	MUA		KQKD 6T25 đạt kỳ vọng của chúng tôi với tăng trưởng tín dụng tốt, chất lượng tài sản ổn định, và NIM Q2 phục hồi tích cực từ nền thấp trong Q1.
TPB	11%	9%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhờ cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
VCB	5%	9%	MUA		KQKD phù hợp với kỳ vọng; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong Q2.
VIB	8%	9%	KQ		KQKD phù hợp với dự phóng của chúng tôi; mảng khách hàng doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6T 2025
VPB	24%	19%	MUA		Lợi nhuận tăng trưởng mạnh nhờ tăng trưởng tín dụng cao, chất lượng tài sản cải thiện đáng kể
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	-4%	50%	MUA		Thu nhập cổ tức thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ so với quý trước
BVH	36%	23%	KQ		Tăng trưởng phí bảo hiểm nhân thọ tiếp tục phục hồi; chi phí dự phòng kỹ thuật thấp hơn giúp cải thiện biên lợi nhuận HĐKD bảo hiểm
SSI	12%	13%	MUA		Thị phần môi giới quý 2/2025 đạt mức cao nhất trong 3 năm
Tiêu dùng					
CTR	11%	9%	KQ		LNST sau lợi ích CDTS tăng 11% YoY nhờ đà tăng trưởng ổn định của mảng hạ tầng cho thuê
DGW	22%	23%	PHTT		LNST sau lợi ích CDTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 22% YoY, phù hợp với dự báo của chúng tôi

FPT	19%	15%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS trong nửa đầu năm 2025 tăng 20% YoY dù tăng trưởng doanh thu mảng CNTT nước ngoài giảm tốc, chỉ đạt 14% YoY
FRT	337%	133%	MUA	Biên lợi nhuận của Long Châu cải thiện, nhưng lợi nhuận của FPT Shop thấp hơn kỳ vọng
MSN (2)	135%	122%	MUA	MCH tạm chững lại trong quý 2/2025 ; cộng hưởng tiêu dùng - bán lẻ giúp cải tiến phân phối và sản phẩm
MWG	54%	35%	MUA	Mảng điện máy gia tăng thị phần nhờ dịch vụ gia tăng; BHX giảm tốc mở rộng trong tháng 6 để chuẩn bị tối ưu hóa
PNJ	-4%	-4%	MUA	LNST nửa đầu năm 2025 giảm 4% YoY dù doanh thu bán lẻ tăng 6% YoY, phù hợp với kỳ vọng
QNS	-23%	0%	KQ	Mảng sữa đậu nành tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng; mảng đường yếu nhưng có cải thiện
SAB	-11%	9%	MUA	Biên lợi nhuận gộp mảng bia cải thiện một phần bù đắp sản lượng bia giảm
TLG	-9%	9%	MUA	Xuất khẩu phục hồi mạnh so với quý trước; biên lợi nhuận gộp trong nước đạt kỷ lục
VEA	5%	11%	PHTT	Lợi nhuận nửa đầu năm tăng 5% YoY nhờ đà tăng trong doanh số của Toyota và Ford
VHC	0%	21%	MUA	
VNM	-17%	6%	MUA	Doanh thu trong nước phục hồi sau tái cơ cấu kênh phân phối; tung nhiều sản phẩm mới
GTVT & Logistics				
ACV	-7%	4%	MUA	Doanh thu tăng trưởng khả quan, nhưng lỗ tỷ giá ảnh hưởng lợi nhuận
AST	73%	27%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS tăng 92% YoY, vượt dự báo
GMD (2)	41%	-3%	KQ	LNST của Gemalink thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng, nhưng hiệu quả chi phí SG&A hỗ trợ cho lợi nhuận quý 2; lợi nhuận nửa đầu năm phù hợp với dự phóng
HVN	20%	13%	PHTT	Biên lợi nhuận gộp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng; hoạt động tái cấp vốn giúp củng cố bảng cân đối kế toán
SCS	7%	-1%	KQ	Tăng trưởng lợi nhuận đi ngang so với cùng kỳ trong quý 2 do hết ưu đãi thuế; phù hợp với kỳ vọng
VJC	56%	6%	KQ	Doanh thu duy trì ổn định với biên lợi nhuận cải thiện
VTP	16%	15%	PHTT	Mảng chuyển phát dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 16% YoY trong nửa đầu năm 2025
Bất động sản				
DXG	107%	-12%	KQ	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm phù hợp kỳ vọng
DXS	3,7x	110%	KQ	Mảng môi giới phục hồi mạnh mẽ, ghi nhận doanh thu từ bàn giao bất động sản cao hơn và biên lợi nhuận cải thiện thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm
HDC	-2%	145%	KQ	Ghi nhận chuyển nhượng một phần tại dự án Đại Dương thúc đẩy lợi nhuận quý 2, bù đắp hoạt động bàn giao BĐS kém khả quan
KDH	-6%	5%	MUA	The Privia thúc đẩy lợi nhuận 6 tháng đầu năm; Gladia mở booking
NLG	218%	28%	MUA	Hoạt động bàn giao tại các dự án Cần Thơ, và Akari City Giai đoạn 2 thúc đẩy tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm

VHM	-8%	7%	PHTT	Lợi nhuận quý 2 tăng QoQ nhờ lượng bán giao cao hơn và thu nhập tài chính khác; dự án Wonder City và Royal Island thúc đẩy tăng trưởng doanh số bán hàng nửa đầu năm
VIC	45%	9%	PHTT	Tiếp tục ghi nhận các khoản tài trợ từ Chủ tịch HĐQT; mảng khách sạn nghỉ dưỡng ghi nhận lợi nhuận từ HĐKD dương trong quý 2
VRE	15%	5%	KQ	Mảng cho thuê bán lẻ ghi nhận tăng trưởng YoY ổn định; thu nhập tài chính và thu nhập khác thúc đẩy tăng trưởng LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm
Khu công nghiệp				
GVR	100%	8%	PHTT	KQKD khả quan của mảng cao su & thu nhập ròng khác từ thanh lý cây dẫn dất đà tăng trưởng của lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025
IDC	-43%	-23%	MUA	Lợi nhuận giảm do không ghi nhận bàn giao hợp đồng thuê đất KCN quy mô lớn trong kỳ; doanh số cho thuê đất KCN vượt kỳ vọng
KBC	663%	266%	MUA	Bàn giao tại CCN Hưng Yên thúc đẩy lợi nhuận trong nửa đầu năm 2025; đẩy mạnh huy động vốn cho dự án Trump International Hưng Yên
PHR	35%	19%	KQ	Giá bán cao su duy trì khả quan thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn nửa đầu năm 2025
SIP	21%	4%	MUA	Mảng dịch vụ tiện ích KCN đóng góp tích cực vào tăng trưởng lợi nhuận; dòng tiền mảng KCN tăng mạnh trong quý 2
SZC	32%	4%	KQ	Bàn giao đất KCN dẫn dắt tăng trưởng lợi nhuận 6 tháng đầu năm; phù hợp với kỳ vọng
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG	-22%	-5%	MUA	Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
BMP	31%	17%	KQ	Chi phí đầu vào thấp thúc đẩy biên lợi nhuận, lợi nhuận quý 2 đạt mức cao kỷ lục; vượt nhẹ so với dự báo
DGC	10%	14%	MUA	MUA LNST sau lợi ích CĐTS tăng 10% YoY trong 6T 2025, phù hợp kỳ vọng
DHC	37%	49%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh 37% YoY nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng
DRC	23%	35%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2/2025 tăng 27% QoQ và 28% YoY; phù hợp với kỳ vọng
HPG	-19%	-2%	PHTT	Lợi nhuận cốt lõi quý 2 cải thiện QoQ từ mức lỗ trong quý 1, nhưng vẫn giảm YoY
HSG (1)	-68%	-26%	PHTT	Lợi nhuận cốt lõi quý 2 giảm mạnh 50% QoQ và 93% YoY; thấp hơn kỳ vọng
NKG	16%	27%	MUA	LNST tăng 15% YoY, mảng gỗ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính
PTB	N.M.	386%	KQ	Sản lượng bán hàng thấp hơn kỳ vọng; lỗ tỷ giá ăn mòn biên lợi nhuận gộp đang phục hồi
STK	-22%	-5%	MUA	Lợi nhuận quý 2 thấp hơn một chút kỳ vọng do nhu cầu trong nước còn thấp, áp lực biên lợi nhuận xuất khẩu và chi phí bán hàng & quản lý (SG&A) tăng cao
Điện & Nước				

BWE (2)	27%	1%	PHTT		LNST quý 2 tăng gấp đôi YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo
GEX	-6%	-40%	KQ		Lợi nhuận thuần cốt lõi tăng trưởng mạnh từ GEE, VGC, VCW thúc đẩy LNST sau lợi ích CĐTS cốt lõi quý 2 của GEX tăng mạnh 3.1 lần YoY
HDG	-54%	128,70%	MUA		Chi phí sử dụng đất bổ sung và lỗ tỷ giá gây ảnh hưởng đến LNST quý 2, tuy nhiên công ty ghi nhận nhiều diễn biến tích cực tại dự án Infra 1
NT2	N.M.	492%	KQ	MUA	Mức tăng cao vượt kỳ vọng của sản lượng điện hợp đồng là động lực chính thúc đẩy LNST tăng gấp 2.7 lần YoY; triển vọng tăng trưởng lớn
PC1	-19%	21%	MUA		Biên lợi nhuận gộp mảng xây lắp điện phục hồi, phù hợp với dự báo
POW	52%	19%	KQ		Mức tăng mạnh của tỷ lệ Qc cam kết bù đắp cho khoản lỗ tỷ giá, thúc đẩy đà tăng trưởng của LNST quý 2
PPC	-77%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm 2025 giảm 77% YoY do sản lượng thấp, phù hợp với kỳ vọng
QTP	-7%	-5%	MUA		LNTT 6T 2025 cao hơn một chút so với kỳ vọng với mức tăng 5%, được hỗ trợ bởi chi phí đầu vào và chi phí bảo trì thấp hơn
REE	48%	26%	MUA		Sản lượng thủy điện cao thúc đẩy LNST tăng mạnh YoY trong quý 2
TDM (2)	-26%	-43%	PHTT		Thu nhập cổ tức thúc đẩy lợi nhuận 6T 2025; M&A Biwase Long An
TV2	-42%	60%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 giảm mạnh 43% YoY, KQKD thấp hơn so với dự báo
DPG	28%	35%	KQ		Mảng năng lượng & xây dựng ghi nhận đà tăng trưởng mạnh, cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
VGC	109%	-4%	KQ		Doanh thu cho thuê đất KCN tăng mạnh vượt kỳ vọng giữa bối cảnh thuế quan bất lợi, biên lợi nhuận gộp cao thúc đẩy LNST quý 2 tăng 2.8 lần YoY
Dầu khí					
BSR	-35%	311%	KQ		Lợi nhuận cốt lõi quý 2 tăng gấp đôi sau đợt bảo dưỡng tổng thể, nhưng lợi nhuận giai đoạn nửa đầu năm vẫn khá thấp
DCM (2)	31%	21%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 gần như tăng gấp đôi YoY nhờ ASP urê tăng mạnh và sản lượng NPK tăng mạnh
DPM	23%	69%	KQ		Giá bán trung bình của urê tăng mạnh thúc đẩy LNST tăng mạnh, tiềm năng tăng dự báo rõ rệt
GAS	29%	-4%	MUA		Hoàn nhập dự phòng hỗ trợ tăng trưởng LNST mặc dù sản lượng bán/giá FO giảm; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ dự báo
OIL (2)	-34%	-8%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng gấp đôi YoY nhờ sản lượng tăng, vượt dự báo
PLX (2)	-37%	-6%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 đạt mức cao nhất trong 3 năm qua nhờ mức tăng trưởng của thị phần bất chấp giá dầu biến động; tiềm năng tăng dự báo rõ ràng
PLC	311%	162%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTS 6T 2025 tăng gấp 4 lần nhờ mảng nhựa đường phục hồi trong xu hướng tăng đầu tư công

PVD (2)	-16%	5%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng 71% YoY nhờ dịch vụ giếng khoan tăng mạnh, khoản lợi nhuận bất thường; tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ
PVS (2)	50%	10%	MUA	LNST sau lợi ích CĐTS quý 2 tăng mạnh 85% YoY nhờ biên lợi nhuận mảng M&C và lãi tỷ giá tăng mạnh, vượt kỳ vọng
PVT (2)	-12%	1%	KQ	LNST sau lợi ích CĐTS nửa đầu năm giảm 2% YoY dù doanh thu tăng mạnh, phù hợp kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng EPS quý 2/năm tài chính 2025 so với quý 2/năm tài chính 2024. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.547,2	19,0
VN 30	1.690,4	37,2
VN Mid	2.348,1	-6,3
VNSmall	1.547,2	19,0

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	266,1	-2,2
HNX30	575,9	-2,0
VNX Allshare	2.624,3	35,2

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	107,5	0,3

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	5.359,9	6,8%
Khối ngoại mua	7.068,0	9,0%
Khối ngoại bán	9.407,3	12,0%
Tổng giao dịch	78.253,1	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	33,2	0,6%
Khối ngoại mua	630,1	11,0%
Khối ngoại bán	358,7	6,3%
Tổng giao dịch	5.707,7	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	92,6	4,8%
Khối ngoại mua	38,6	2,0%
Khối ngoại bán	54,7	2,8%
Tổng giao dịch	1.926,2	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
EVG	590	6,9%
MBB	1.900	6,8%
HAG	950	6,8%
VRE	1.850	6,4%
VIC	6.300	5,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
SHN	500	8,9%
BKC	3.800	7,0%
LHC	4.000	4,4%
MST	200	3,0%
KSF	1.100	1,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
G36	710	8,2%
HNG	439	7,3%
AAS	705	6,1%
CTX	808	5,0%
BMS	534	4,1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PC1	-1.900	-6,9%
PET	-2.500	-6,9%
NHH	-900	-6,8%
MHC	-850	-6,8%
PGV	-1.450	-6,7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
S99	-700	-7,3%
NVB	-1.000	-5,6%
C69	-500	-5,3%
PLC	-1.500	-5,2%
CSC	-1.200	-4,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
IFS	-1.149	-4,9%
DDV	-638	-1,9%
ANT	-170	-0,6%
ICN	-224	-0,5%
CQN	-137	-0,4%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
HPG	5.737
VIC	3.822
TCB	3.637
SHB	3.385
SSI	3.196

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	1.918
CEO	1.164
MBS	512
PVS	372
IDC	218

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
BVB	244
ABB	215
HNG	171
ACV	115
DDV	110

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
TVS	2.364.393	291.706
EVG	16.104.320	2.973.542
VNE	4.048.436	796.392
PTB	528.460	114.558
HAX	15.933.508	3.714.766
BAF	16.176.457	3.942.845
VIC	34.359.132	8.576.942
HPG	216.525.285	57.632.104
BIC	353.082	98.692
TCB	98.326.929	27.563.411

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SHN	492.814	81.418
PSD	1.021.537	256.839
PVG	324.655	86.260
LHC	150.200	50.629
DTD	2.849.850	1.038.231
BKC	190.292	73.637
NVB	3.956.632	1.607.913
PLC	1.717.048	758.186
CSC	224.570	100.020
BTS	117.087	52.559

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
CTX	1.128.759	159.110
HNG	26.343.117	6.542.461
DDB	202.800	53.837
G36	3.420.599	1.151.303
HSV	306.862	118.018
CLX	444.006	184.168
HD6	187.300	86.350
C4G	5.948.513	2.784.261
HBC	12.435.184	6.011.112
ABB	16.646.703	8.115.385

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	1.582,7		24,3	2,4	9,5
SSI	2.609,3	58,5	22,0	2,4	11,4
VIX	1.567,4	87,2	19,3	2,3	12,4
VND	1.377,8	82,6	23,8	1,8	7,6
VCI	1.263,9	70,9	33,4	2,7	7,8
HCM	1.095,0	10,7	23,0	2,8	8,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	491,4		12,7	1,5	12,4
BVH	1.411,8	21,9	15,0	1,6	10,6
PVI	565,4	42,4	15,3	1,7	12,0
BIC	183,6	5,2	8,8	1,6	18,5
VNR	159,4	22,7	13,1	1,1	8,2
MIG	136,9	83,9	11,5	1,4	12,6

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	3.386,0		26,5	4,2	19,2
ACV	8.486,2	46,0	22,6	3,5	16,2
MVN	2.772,2	0,0	47,2	5,5	12,1
GEX	2.036,7	41,9	33,9	3,7	11,1
VEA	1.971,7	47,5	6,9	1,8	26,6
GEE	1.663,3	49,6	22,1	6,4	29,8

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	3.339,9		19,1	3,9	24,3
VNM	4.796,9	50,9	14,7	4,0	26,6
MCH	4.353,2	33,9	12,0	6,8	50,1
MSN	4.119,4	74,6	40,1	3,3	9,2
SAB	2.326,6	41,0	14,9	2,9	17,5
PNJ	1.103,3	0,0	14,0	2,4	18,2

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	1.145,3		-236,4	1,2	5,0
BSR	2.415,5	48,6	-1.274,0	1,1	-0,1
PLX	1.776,0	3,4	22,9	1,9	7,9
PVS	611,5	36,6	12,7	1,1	9,3
OIL	478,9	0,8	41,7	1,2	2,9
PVD	444,7	45,0	14,7	0,7	5,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	2.073,0		18,3	2,1	12,9
GAS	6.065,8	47,2	13,2	2,4	19,4
REE	1.375,6	0,0	15,1	1,8	12,6
POW	1.296,8	45,7	23,2	1,0	4,5
PGV	868,8	50,0	21,7	1,5	7,2
DNH	758,2	0,0	18,2	3,8	20,8

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	7.793,3		58,8	2,2	10,7
VIC	17.157,9	41,2	32,8	3,1	9,9
VHM	15.058,7	39,5	13,7	1,9	14,8
BCM	2.723,4	31,9	19,7	3,4	18,2
VRE	2.685,8	30,6	16,0	1,6	10,4
NVL	1.340,5	38,0	212,0	0,9	0,5

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	11.512,7		11,6	1,8	16,3
VCB	19.624,7	8,1	14,8	2,4	17,2
BID	10.390,6	12,6	10,5	1,7	17,6
TCB	9.982,8	0,0	12,3	1,7	14,3
CTG	9.536,2	2,9	8,3	1,5	20,0
VPB	8.029,4	4,5	12,1	1,4	12,2

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	3.489,8		34,4	-1,4	-11,1
VPL	5.752,8	48,9	57,3	4,8	0,0
HVN	3.925,0	21,0	8,7	-27,3	-107,2
MWG	3.912,8	0,4	21,0	3,5	17,0
VJC	2.876,2	22,1	37,1	3,2	9,9
FRT	982,1	15,7	47,7	9,0	24,9

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	3.339,9		19,1	3,9	24,3
HPG	4.796,9	27,2	14,7	4,0	26,6
GVR	4.353,2	12,3	12,0	6,8	50,1
DGC	4.119,4	34,1	40,1	3,3	9,2
KSV	2.326,6	0,0	14,9	2,9	17,5
MSR	1.103,3	100,0	14,0	2,4	18,2

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	1.145,3		-236,4	1,2	5,0
DHG	2.415,5	46,1	-1.274,0	1,1	-0,1
IMP	1.776,0	27,5	22,9	1,9	7,9
DVN	611,5	0,0	12,7	1,1	9,3
DBD	478,9	84,4	41,7	1,2	2,9
TRA	444,7	2,7	14,7	0,7	5,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Average	2.073,0		18,3	2,1	12,9
FPT	6.065,8	9,0	13,2	2,4	19,4
CMG	1.375,6	13,4	15,1	1,8	12,6
SAM	1.296,8	48,5	23,2	1,0	4,5
SGT	868,8	-5,5	21,7	1,5	7,2
ELC	758,2	45,4	18,2	3,8	20,8

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

See important disclosure at the end of this document

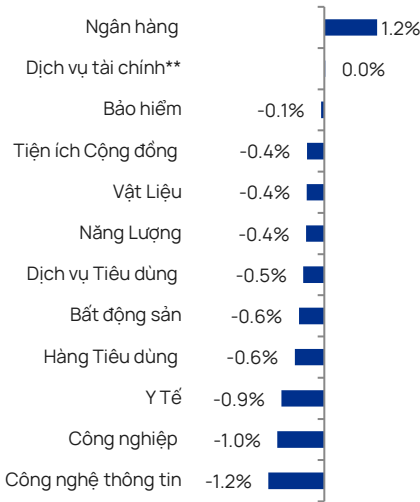
www.vietcap.com.vn

05/08/2025 | 16

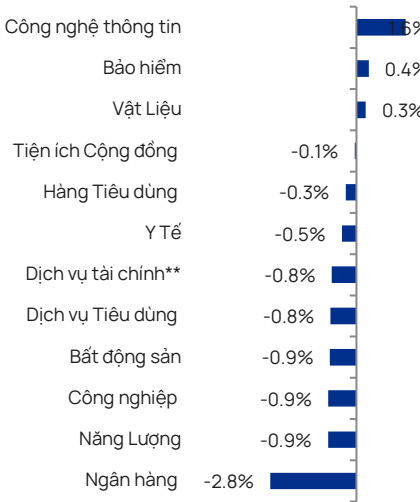
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

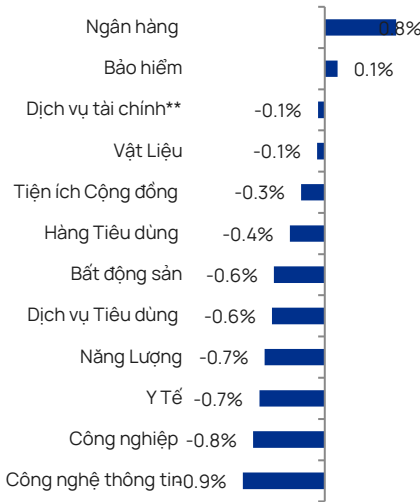


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



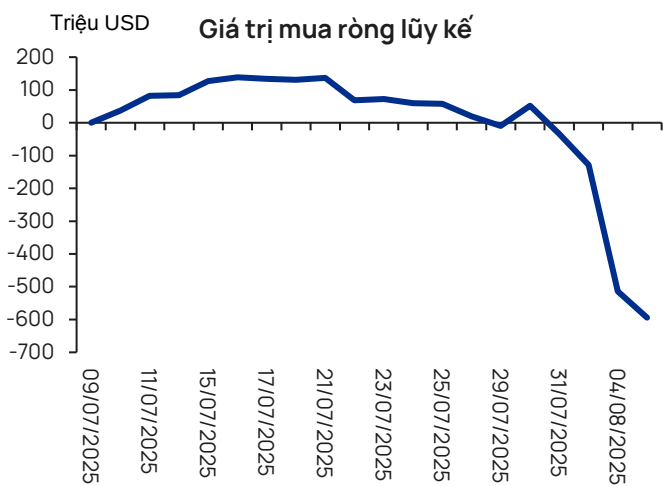
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



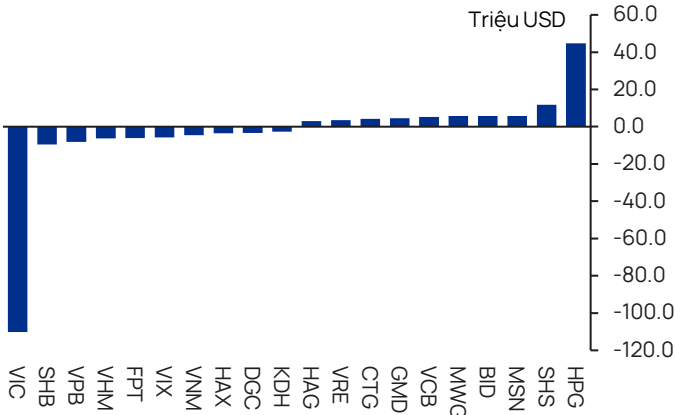
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



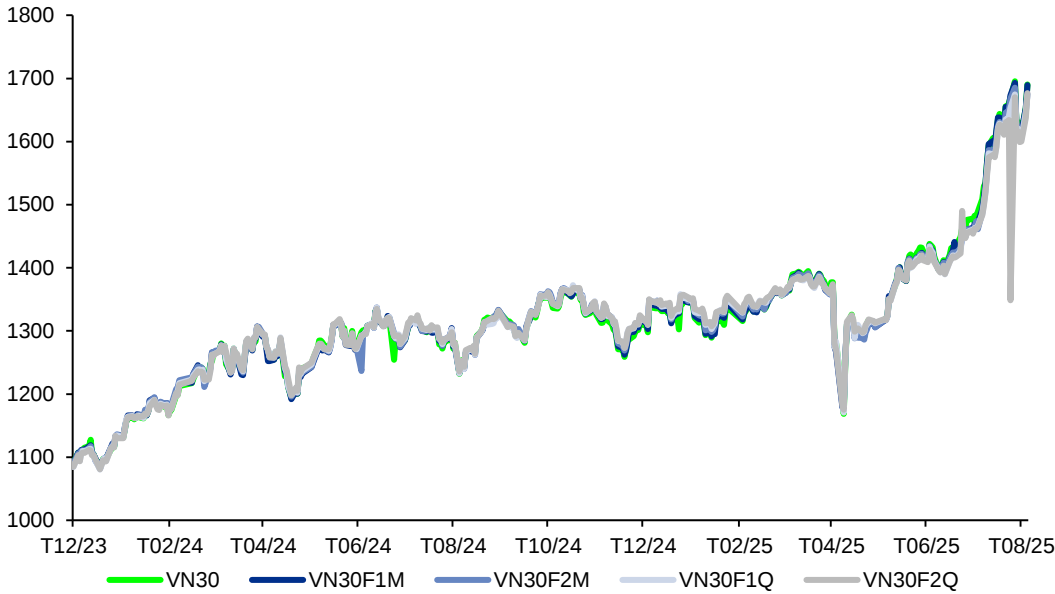
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
41IF8000	1.689,6	36,1	2,2%	-0,8
VN30F2509	1.675,0	27,1	1,6%	-15,4
VN30F2512	1.673,3	27,1	1,6%	-17,1
41IG3000	1.676,7	38,8	2,4%	-13,7

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
41IF8000	55.557	11,5%	423,91	52,0%
VN30F2509	4.191	8,1%	4,57	163,3%
VN30F2512	674	-3,9%	0,55	151,2%
41IG3000	101	-23,5%	0,33	232,3%

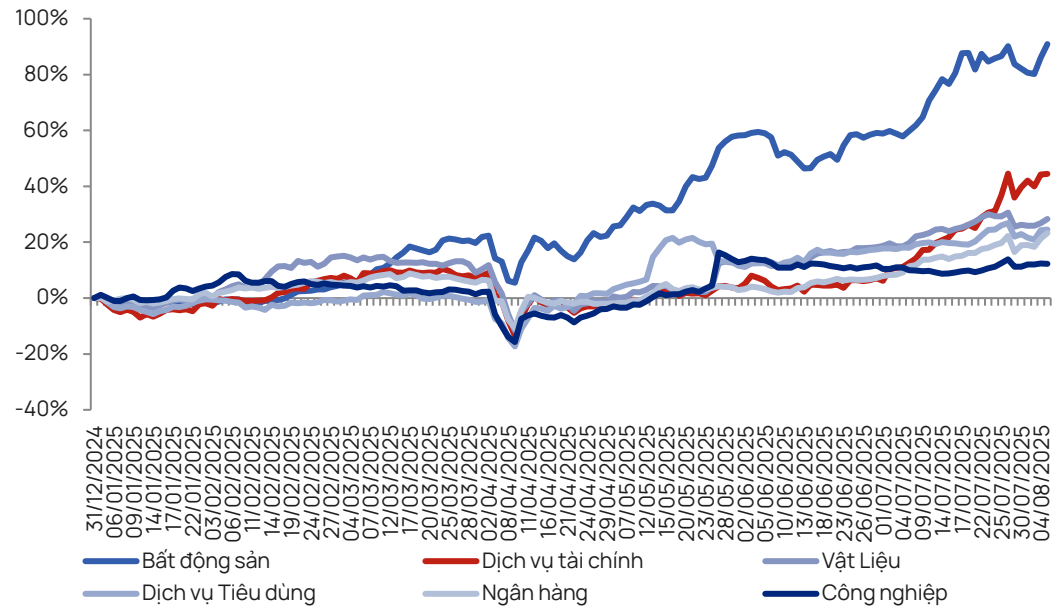


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

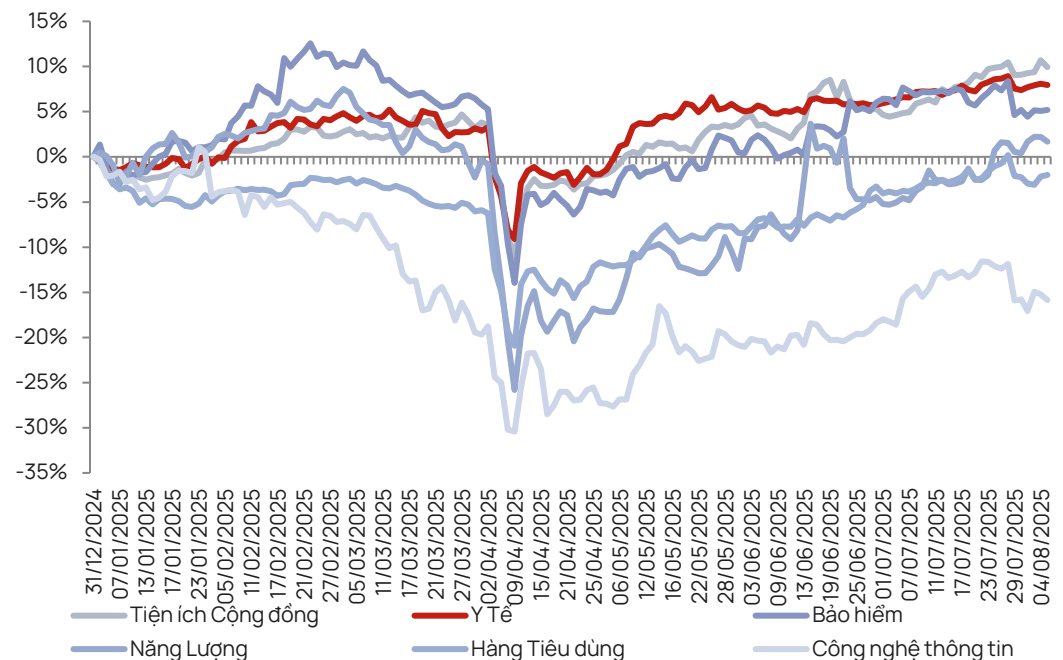
Ghi chú: VN30F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
VN30F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
VN30F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
VN30F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



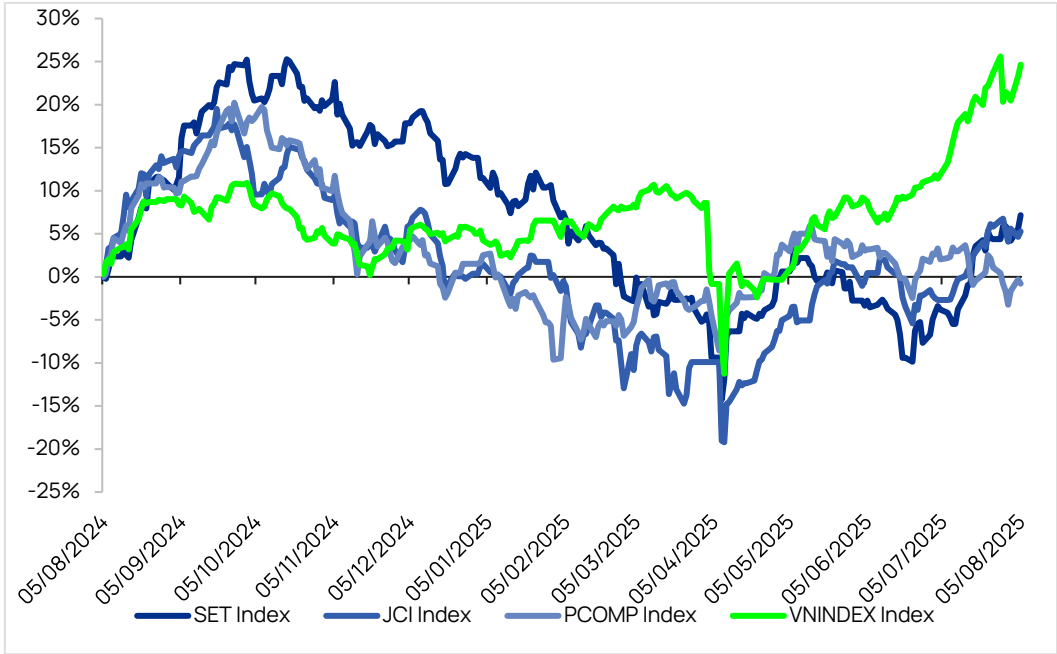
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



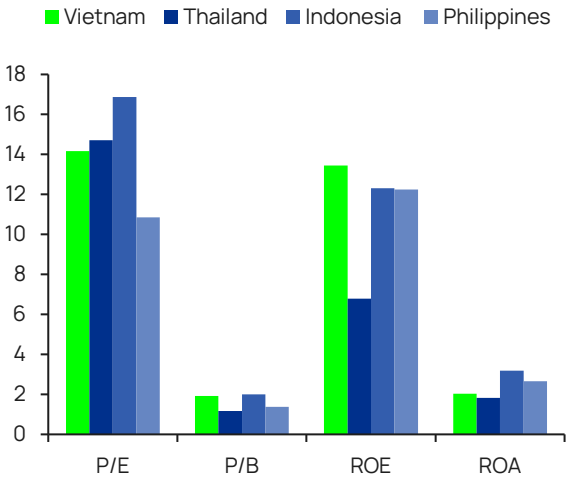
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	14,7	16,9	10,9	14,2
P/B	1,2	2,0	1,4	1,9
ROE (%)	6,8	12,3	12,2	13,4
ROA (%)	1,8	3,2	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	464,9	830,9	155,8	246,3
GTGD trung bình, tr USD	1.248,7	677,8	79,0	664,6
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-1.815,3	-3.815,0	-631,3	-1.716,7
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	31,1	(181,8)	(5,2)	(510,3)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,30%	6,08%	5,83%	2,76%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.